

– Nguyên lý truyền và biến đổi chuyển động gồm : truyền chuyển động quay giữa hai trục song song (bằng ma sát, bằng ăn khớp), biến đổi chuyển động quay thành chuyển động tịnh tiến và chuyển động lắc. Đây là những cơ cấu truyền động rất phổ biến trong kĩ thuật. Trong chương có một bài thực hành nhằm củng cố kiến thức lí thuyết và ứng dụng của lí thuyết vào thực tiễn.

b) GV yêu cầu HS hoàn thành tất cả các câu hỏi ở cuối mỗi bài, có thể gợi ý trả lời các câu hỏi khó.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Chuẩn bị bài giảng

- GV đọc kĩ bài 31 SGK tổng kết phần Cơ khí.
- Đọc các thông tin ở mục 2 phần II SGV.

2. Các hoạt động dạy học

Hoạt động 1. Giới thiệu bài

- GV nêu mục đích, yêu cầu của bài tổng kết.
- GV phân lớp thành các nhóm, giao nội dung câu hỏi thảo luận cho từng nhóm.

Hoạt động 2. Tổng kết

- GV vẽ sơ đồ tóm tắt nội dung phần Cơ khí lên bảng.
- Nêu những nội dung chính của từng chương, những yêu cầu về kiến thức và kĩ năng mà HS cần đạt được.

Hoạt động 3. Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi

- GV giao câu hỏi cho các nhóm, phân HS về từng nhóm (theo tổ học tập) để thảo luận.
- Cuối giờ GV tập trung toàn lớp, đề nghị các nhóm trình bày đáp án, GV nhận xét, uốn nắn và bổ sung.

Hoạt động 4. Tổng kết

- GV nhận xét tiết ôn tập.
- Nhắc nhở HS ôn tập (phần lí thuyết và câu hỏi) để chuẩn bị thi hết học kỳ I.

IV. TRẢ LỜI CÂU HỎI

Câu 1. Muốn chọn vật liệu để gia công một sản phẩm cơ khí, người ta phải dựa vào những yếu tố sau :

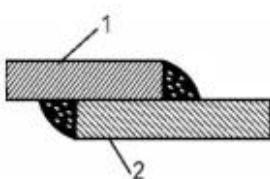
- Các chỉ tiêu cơ tính của vật liệu (tính cứng, tính dẻo, tính bền...) phải đáp ứng với điều kiện chịu tải của chi tiết.
- Vật liệu phải có tính công nghệ tốt để dễ gia công, giảm giá thành.
- Có tính chất hóa học phù hợp với môi trường làm việc của chi tiết, tránh bị ăn mòn do môi trường.
- Vật liệu phải có tính chất vật lí phù hợp yêu cầu.

Câu 2. Để nhận biết và phân biệt vật liệu, người ta dựa vào những dấu hiệu sau :

- Màu sắc.
- Mặt gãy của vật liệu.
- Khối lượng riêng.
- Độ dẫn nhiệt.
- Tính cứng, tính dẻo, độ biến dạng.

Câu 3. Cưa dùng để cắt bỏ phần thừa hoặc cắt phôi ra thành các phần (còn gọi là gia công thô), còn dũa nhẵn tạo cho bề mặt chi tiết đảm bảo độ bóng và độ chính xác theo yêu cầu (còn gọi là gia công tinh).

Câu 4. Xem bảng phân loại các mối ghép :

Loại mối ghép (khớp nối)	Sơ đồ biểu diễn	Đặc điểm và công dụng
Mối ghép hàn		Kết cấu nhỏ gọn, tiết kiệm kim loại nhưng mối hàn bị giòn, dễ nứt... ứng dụng hàn khung, giàn trong công trình xây dựng...
.....
.....

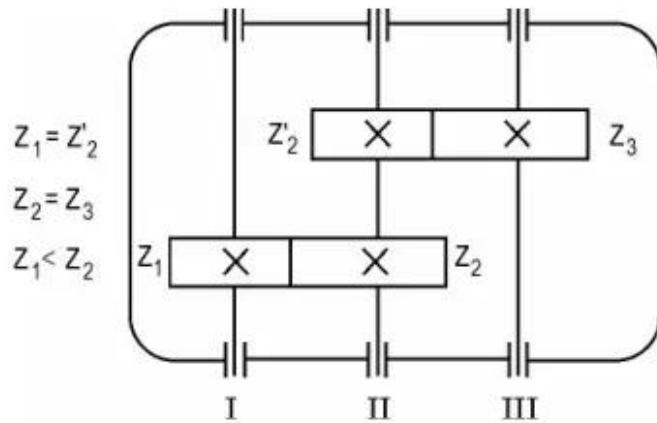
Câu 5. Trong máy cần có bộ truyền và biến đổi chuyển động vì :

- Tốc độ cần thiết của các bộ phận công tác thường khác với tốc độ hợp lí của động cơ.

– Nhiều khi cần truyền chuyển động từ một động cơ đến nhiều cơ cấu làm việc với các tốc độ khác nhau.

– Động cơ thực hiện chuyển động quay đều nhưng các bộ phận công tác cần có chuyển động tịnh tiến hoặc các dạng chuyển động khác.

Câu 6. Cơ cấu truyền động gồm có ba trực quay ; sơ đồ biểu diễn như sau :



– Cơ cấu được ứng dụng trong các hộp giảm tốc của máy và thiết bị.

PHẦN BA – KĨ THUẬT ĐIỆN

BÀI 32. VAI TRÒ CỦA ĐIỆN NĂNG TRONG SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG

(*I tiết*)

I. MỤC TIÊU

Sau bài này GV phải làm cho HS :

1. Biết được quá trình sản xuất và truyền tải điện năng.
2. Hiểu được vai trò của điện năng trong sản xuất và đời sống.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý

1. Gợi ý phân bổ bài giảng

Bài giảng gồm hai nội dung chính :

- a) Khái niệm về điện năng, sản xuất và truyền tải điện năng.
- b) Vai trò của điện năng trong sản xuất và đời sống.

2. Một số điểm cần làm rõ

- a) Các dạng năng lượng và biến đổi năng lượng trong các nhà máy điện.
- b) Vai trò quan trọng của điện năng.

3. Thông tin bổ sung

Dự kiến phát triển nguồn điện ở nước ta :

– Trong năm 2001, một số nhà máy điện quan trọng đã được đưa vào sử dụng hoặc đang hoàn tất quá trình xây dựng : thuỷ điện Yaly (720 MW), thuỷ điện Hàm Thuận (300 MW), thuỷ điện Đa Mi (175 MW), nhiệt điện Phả Lại (600 MW), nhà máy điện Phú Mỹ (1090 MW)...

– Đến năm 2010 dự kiến tổng công suất của các nhà máy điện khoảng 17 đến 17,5 triệu kW, trong đó tỉ trọng thuỷ điện chiếm khoảng 38% đến 40%, nhiệt điện khí 37% đến 38%, nhiệt điện than khoảng 17%, điện nhập khẩu khoảng 6%.